TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc**
Sè: 228/2019/Q§ST-HNG§	*Tân Yên, ngày 02 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 273/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 giữa:

* Nguyên đơn: chị Trần Thị Bích T, sinh năm 1980

Nơi ĐKHKTT: Phố Bùng, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện cư trú: Số nhà 1067, cây số 3, khu 34, xã Song Mai, T phố Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1964

Nơi cư trú: Phố Bùng, thị trấn Nhã Nam, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào khoản 3, khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 55; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 24 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T ngày 24 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Bích T và anh Phan Ngọc T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cho anh Phan Ngọc T nuôi dưỡng 02 con chung là Phan Tiến Đ, sinh ngày 06/02/2003 và Phan Trần B, sinh ngày 01/9/2006. Chị Trần Thị Bích T cấp dưỡng nuôi 02 con chung cùng anh Phan Ngọc T 4.000.000 đồng/01tháng/02 con kể từ tháng 10/2019 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Bích T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị T thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tự thỏa Thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Bích T và anh Phan Ngọc T thỏa thuận để chị T chịu cả án phí. Chị T chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0005904 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Trần Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
-Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- UBND xã An Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Vân